

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 19/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28205105896	Nguyễn Thị Hoài	An	02/01/2004	Đà Nẵng	31TBN17	9.7	9.0	Đạt	
2	28218105067	Nguyễn Văn	An	30/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN17	5.7	6.0	Đạt	
3	28206620073	Lê Phạm Mai	Anh	05/03/2004	Đà Nẵng	31TBN17	7.7	6.5	Đạt	
4	28202849246	Nguyễn Văn	Anh	16/08/2004	Gia Lai	31TYC13	9.0	5.0	Đạt	
5	28208034385	Trần Thị Quỳnh	Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8	6.0	5.0	Đạt	
6	28215105970	Trịnh Hoàng	Anh	09/08/2003	Thanh Hóa	31CBN10	9.3	5.4	Đạt	
7	28204605591	Bùi Thị Ngọc	Ánh	28/03/2004	Quảng Nam	31TBN17	6.7	4.3	Không Đạt	
8	28206601574	Mai Hoàng Ngọc	Ánh	28/10/2004	Quảng Bình	31TBN16	3.3	4.0	Không Đạt	
9	28206801932	Trịnh Minh	Ánh	27/03/2004	Kon Tum	31TBN16	5.0	4.1	Không Đạt	
10	28214600411	Nguyễn Thành	Đạt	08/06/2004	Quảng Nam	31TBN17	7.7	3.6	Không Đạt	
11	28204953957	Nguyễn Thị Hoài	Diễm	29/04/2004	Đà Nẵng	31TBN16	8.7	3.5	Không Đạt	
12	30265280004	Võ Trịnh Kiều	Đông	14/11/2000	Huế	31TBN17	9.7	5.6	Đạt	
13	28212349679	Hồ Lê Hữu	Đức	01/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.0	2.3	Không Đạt	
14	28212300206	Lê Văn	Đức	26/06/2003	Gia Lai	31CBN10	9.0	9.5	Đạt	
15	28204536311	Nguyễn Lê Mỹ	Dung	07/08/2004	Quảng Trị	31TBN17	6.3	5.0	Đạt	
16	27202238764	Lê Đăng Hải	Dương	21/02/2003	Đà Nẵng	29SBN4	5.0	8.4	Đạt	
17	28214637188	Nguyễn Đặng Đức	Duy	12/04/2004	Bình Định	31SYC7	9.0	8.5	Đạt	
18	28202701326	Đỗ Nhật	Duyên	07/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN10	9.7	7.9	Đạt	
19	29206560987	Lê Thị Mỹ	Duyên	09/06/2005	Quảng Nam	31TBN16	9.7	5.3	Đạt	
20	28204901063	Phạm Thị Khánh	Duyên	04/06/2004	Đà Nẵng	31TBN17	9.3	7.9	Đạt	
21	29206549629	Trần Thị Mỹ	Duyên	21/07/2005	Quảng Trị	31TBN16	4.3	2.9	Không Đạt	
22	29206562275	Từ Thị Trà	Giang	11/03/2005	Đà Nẵng	31TBN16	10.0	6.1	Đạt	
23	26202233051	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	11/09/2002	Quảng Trị	31TBN16	8.0	3.0	Không Đạt	
24	28212320013	Đặng Sơn	Hải	27/08/2004	Quảng Trị	31TBN16	7.7	5.5	Đạt	
25	28204825587	Lữ Thụy Gia	Hân	02/11/2004	Bình Định	31CBN10	6.0	5.4	Đạt	
26	29206731785	Lê Minh	Hằng	29/03/2005	Quảng Trị	31TBN17	9.3	6.4	Đạt	
27	27204326930	Nguyễn Hoàng Minh	Hằng	11/06/2003	Đà Nẵng	31CBN10	6.3	5.6	Đạt	
28	28208003249	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/09/2004	Quảng Nam	31CBN10	8.0	2.8	Không Đạt	
29	29204734489	Phan Nguyễn Thúy	Hằng	19/09/2005	Quảng Nam	31TBN17	3.7	5.3	Không Đạt	
30	28215145096	Hoàng Hữu Anh	Hào	08/01/2004	Đà Nẵng	31CBN10	7.7	5.5	Đạt	
31	28211106392	Trần Văn	Hiệp	06/05/2004	Đắk Lắk	31TBN16	9.7	5.0	Đạt	
32	29206558281	Nguyễn Thị Minh	Hoa	05/09/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.3	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29207154865	Huỳnh Thị Thanh	Hòa	07/03/2005	Kon Tum	31TBN16	8.7	3.8	Không Đạt	
34	28202751784	Trần Mỹ	Hoài	26/02/2004	Gia Lai	31CBN10	8.3	7.3	Đạt	
35	28212305354	Lê Thanh	Hoàn	16/10/2002	Lâm Đồng	31TSC11	8.0	5.0	Đạt	
36	29206248755	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	20/04/2005	Đà Nẵng	31CBN10	9.7	6.9	Đạt	
37	29208063759	Phan Thị	Huệ	26/07/2005	Đà Nẵng	31CBN10	8.7	7.0	Đạt	
38	28206503693	Dương Thị Diệu	Hương	15/01/2004	Quảng Trị	31TBN15	8.0	7.3	Đạt	
39	28206554589	Lê Thị Diễm	Hương	17/04/2004	Quảng Trị	31TBN14	5.7	4.3	Không Đạt	
40	28218143696	Hồ Nguyễn Minh	Khang	23/01/2004	Đà Nẵng	31TBN16	6.7	2.0	Không Đạt	
41	28218004763	Vũ Hà Minh	Khoa	27/04/2004	Đà Nẵng	31TBN17	4.0	3.8	Không Đạt	
42	30265280006	Đoàn Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2000	Quảng Trị	31TBN17	9.7	3.6	Không Đạt	
43	29206556054	Lê Thị Thùy	Linh	20/08/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.3	5.0	Đạt	
44	28217252100	Phan Thanh	Luân	10/03/2004	Bình Định	31TBN16	9.0	6.5	Đạt	
45	28212344546	Phạm Nguyên	Lương	01/10/2004	Đồng Hới	31TBN16	H	H	Không Đạt	
46	30265280010	Trần Thị	Luyến	08/08/1998	Gia Lai	31TBN17	8.3	3.6	Không Đạt	
47	28204600577	Nguyễn Thị Trúc	Ly	26/01/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	5.3	Đạt	
48	29206565362	Nguyễn Ngọc Trà	My	29/09/2005	Quảng Trị	31TBN17	6.7	6.3	Đạt	
49	29208243262	Đặng Thị Ly	Na	18/09/2005	Quảng Nam	31TYC14	8.0	6.5	Đạt	
50	28204805111	Đinh Trần An	Na	25/09/2004	Quảng Bình	31CBN9	8.3	5.3	Đạt	
51	28204903131	Nguyễn Thị	Na	07/12/2004	Quảng Trị	31TBN16	8.3	5.5	Đạt	
52	28206505156	Trần Kim	Ngân	23/10/2004	Quảng Nam	31TBN17	8.0	2.4	Không Đạt	
53	28214502431	Phạm Hà	Nghiêm	05/08/2004	Đắk Lắk	31TBN17	4.3	5.0	Không Đạt	
54	28212347094	Phan Thanh	Ngọc	22/04/2004	Quảng Ngãi	31CBN10	8.0	3.3	Không Đạt	
55	29208121712	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	03/06/2005	Đà Nẵng	31CBN10	8.3	8.5	Đạt	
56	28204606505	Phạm Thị Thảo	Nguyên	06/06/2004	Quảng Nam	31SBN8	5.0	6.0	Đạt	
57	28212351822	Phan Đình	Nguyên	16/12/2003	Quảng Nam	31CBN10	10.0	4.0	Không Đạt	
58	28206100771	Tôn Võ Thảo	Nguyên	30/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	10.0	6.3	Đạt	
59	28211103457	Nguyễn Minh	Nhật	16/01/2003	Đà Nẵng	31TBN17	7.7	9.5	Đạt	
60	28207252168	Đặng Vũ Quỳnh	Nhi	03/12/2004	Quảng Ngãi	31TBN16	8.0	6.3	Đạt	
61	30265280003	Lê Thị Hoài	Nhi	19/10/1998	Quảng Trị	31TBN17	9.0	5.0	Đạt	
62	28206502292	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/06/2004	Huế	31TBN16	9.0	5.3	Đạt	
63	30265280008	Lê Thị	Nhung	24/11/1995	Gia Lai	31TBN17	8.7	7.8	Đạt	
64	29206520288	Phạm Hồng	Nhung	14/09/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	9.3	6.8	Đạt	
65	28208027341	Hà Kiều	Oanh	07/12/2004	Đà Nẵng	31TYC14	V	V	Không Đạt	
66	29206549250	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13/07/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	8.7	5.5	Đạt	
67	27211543044	Huỳnh Ngọc Tấn	Phát	18/06/2003	Bình Định	31TBN16	4.7	5.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28214640692	Văn An	Phúc	29/08/2004	Đà Nẵng	30CBN12	5.7	7.5	Đạt	
69	27215432224	Phạm Nguyễn Anh	Phuong	14/10/2003	Lâm Đồng	31TBN17	9.0	9.5	Đạt	
70	28209036957	Trần Ngọc Tổ	Phuong	10/10/2004	Đà Nẵng	31CBN10	7.7	5.0	Đạt	
71	28202835280	Trần Thị Thanh	Phuong	16/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.0	3.9	Không Đạt	
72	28213350359	Đỗ Huy	Quang	31/10/2004	Thanh Hóa	31TBN16	7.0	6.5	Đạt	
73	29208046194	Tiêu Thị Lệ	Quyên	11/11/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	8.7	6.0	Đạt	
74	28204848027	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	9.7	6.5	Đạt	
75	28217530348	Nguyễn Đình	Tài	30/05/2004	Đắk Nông	31CBN10	7.7	8.6	Đạt	
76	28212349286	Trịnh Duy	Tài	28/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	8.7	6.0	Đạt	
77	28219336319	Nguyễn Đức	Tâm	14/04/2004	Nghệ An	31TSC14	9.0	5.5	Đạt	
78	28214134979	Nguyễn Tiến	Tân	02/02/2004	Huế	31TBN16	7.0	5.0	Đạt	
79	30265280002	Y	Thắm	20/11/2000	Quảng Ngãi	31TBN17	9.0	8.4	Đạt	
80	28204852856	Trần Thị Thu	Thanh	24/10/2004	Đà Nẵng	31CBN10	9.7	5.1	Đạt	
81	29204551372	Võ Thị Minh	Thảo	17/08/2005	Quảng Nam	31TBN17	8.3	5.0	Đạt	
82	28212349606	Nguyễn Anh	Thiên	04/12/2004	Phú Yên	31CBN10	6.3	5.4	Đạt	
83	30265280014	Phạm Thị	Thịnh	19/09/2000	Quảng Ngãi	31TBN17	8.3	3.5	Không Đạt	
84	28204104709	Đặng Thị Hiền	Thục	18/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN16	9.0	5.0	Đạt	
85	28206148792	Hàn Thị	Thùy	22/10/2003	Phú Yên	31TYC13	6.3	5.0	Đạt	
86	28204103574	Nguyễn Thị An	Thuyền	24/09/2003	Quảng Bình	31TBN16	6.3	5.4	Đạt	
87	28204651290	Nguyễn Thị Kim	Thuyền	04/06/2004	Đà Nẵng	31THT15	5.3	5.0	Đạt	
88	28219243189	Nguyễn Văn Uy	Tín	20/05/2004	Đà Nẵng	31TBN16	4.3	5.5	Không Đạt	
89	28202743642	Dương Khánh	Trâm	12/10/2004	Quảng Trị	31TYC14	6.3	7.5	Đạt	
90	28202706589	Lê Bá Quỳnh	Trâm	02/05/2004	Đà Nẵng	31CBN10	9.3	6.8	Đạt	
91	28208101446	Trần Thị Ngọc	Trâm	29/05/2004	Thừa Thiên H	31TBN17	6.3	4.4	Không Đạt	
92	27214336320	Nguyễn Thùy Huyền	Trân	30/11/2003	Đà Nẵng	31CBN10	10.0	7.0	Đạt	
93	28205105231	Phạm Đào Huyền	Trân	12/06/2004	Kon Tum	31CBN10	8.3	6.0	Đạt	
94	29206543282	Đỗ Hoàng	Trang	02/01/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.0	3.9	Không Đạt	
95	30265280013	Đỗ Thị	Trang	17/06/1997	Thanh Hóa	31TBN17	V	V	Không Đạt	
96	28202800874	Lê Mai Phương	Trang	02/10/2004	Đak Lak	31TYC13	7.7	5.5	Đạt	
97	28204800946	Lê Thị Huyền	Trang	22/03/2004	Thanh Hóa	31TBN17	7.0	8.4	Đạt	
98	29207257542	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/01/2005	Quảng Ngãi	31TBN16	8.0	8.0	Đạt	
99	28209404740	Nguyễn Thị Đoan	Trang	17/10/2004	Quảng Trị	31TBN17	8.0	6.5	Đạt	
100	29206558232	Tạ Thụy Thùy	Trang	22/07/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.0	3.5	Không Đạt	
101	30265280011	Trần Huyền	Trang	10/07/2000	Quảng Bình	31TBN17	9.0	5.8	Đạt	
102	27204334382	Huỳnh Ngọc Như	Trinh	04/01/2003	Quảng Ngãi	31CBN10	8.0	7.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28206203096	Trần Phương Lan	Trinh	19/08/2004	Quảng Nam	31TBN14	9.0	6.9	Đạt	
104	27207128614	Võ Thị Kiều	Trinh	24/10/2003	Quảng Nam	29CYC3	8.3	4.0	Không Đạt	
105	28212301758	Lê Xuân	Trường	06/12/2004	Gia Lai	31TYC11	5.7	5.0	Đạt	
106	28212335677	Trần Xuân	Trường	11/12/2004	Hưng Yên	31TBN16	5.0	6.1	Đạt	
107	30275280012	Hoàng Minh	Tuấn	07/03/1993	Đà Nẵng	31TBN17	9.7	8.0	Đạt	
108	28214628675	Lê Thiện	Tuấn	14/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	5.7	5.3	Đạt	
109	27202120682	Nguyễn Thị Tâm	Tuyền	21/12/2002	Vĩnh Phúc	31TBN16	V	V	Không Đạt	
110	28204501753	Lê Bảo	Uyên	24/08/2004	Quảng Nam	31TBN17	9.7	5.5	Đạt	
111	29206255036	Phạm Thị Tường	Vân	11/01/2005	Quảng Nam	31TBN17	10.0	5.3	Đạt	
112	29209445506	Nguyễn Thị Ánh	Vi	08/06/2005	Quảng Nam	31TBN16	9.0	6.0	Đạt	
113	28219405845	Phan Trung Nguyên	Vũ	03/10/2004	Buôn Ma Thu	31CBN9	5.3	6.4	Đạt	
114	28209347123	Nguyễn Thị Thảo	Vy	25/09/2004	Đà Nẵng	31TBN17	5.7	7.9	Đạt	
115	28204651541	Tô Nguyễn Tường	Vy	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	7.3	3.8	Không Đạt	
116	28212140391	Trần Ngọc	Vỹ	24/10/2004	Quảng Nam	31CBN10	8.7	4.4	Không Đạt	
117	28202722773	Trương Thị Như	Ý	03/11/2004	Thừa Thiên H	31TSC14	4.3	4.1	Không Đạt	
118	28205280016	Trần Hoàng	Yến	30/11/1991	Đắk Lắk	31TBN17	7.7	2.1	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh